

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi  
con

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Danh Pì Sách**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Phương Lan**

2. Ông **Vũ Văn Hợp**

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị S**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: ấp Tân Th, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị S có mặt tại phiên tòa).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Út M**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp Tân Th, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh M vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị S trình bày:*

Vào năm 2012 chị và anh Nguyễn Út M cưới nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, tại UBND xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 16/6/2017.

Qua thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống những năm đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau, anh M thường xuyên đi chơi, ăn nhậu với bạn bè không chăm lo cho vợ con, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh M không nghe nên từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, tuy bản thân chị rất muốn duy trì cuộc hôn nhân này để lo cho con nhưng cố gắng không thành, nếu cứ duy trì mãi thì chỉ gây mâu thuẫn kéo dài vì vậy mà anh chị đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Nay thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị và anh M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị gửi đơn khởi kiện và yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân:* Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Út M.

- *Về con chung:* Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013 và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 20/10/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Út M trình bày:*

Vào năm 2012 anh và chị Thị S cưới nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, tại UBND xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 16/6/2017.

Qua thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống những năm đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau, anh thừa nhận anh cũng có đi chơi, ăn nhậu với bạn bè nhưng anh đã tự điều chỉnh giảm bớt lại. Nhưng vợ chồng thường hay cãi nhau mặc dù anh muốn duy trì cuộc hôn nhân này để lo cho con, anh và chị S đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay.

Nay chị Sáng khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Không đồng ý ly hôn với chị Thị S vì anh còn thương vợ thương con và thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên mong được hàn gắn với chị Sáng.

- *Về con chung*: Nếu chị S kiên quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh M yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013 và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Út M; về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013 cho chị S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì chị S có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Như và chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cháu Như cũng có nguyện vọng được chị S chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: chị Thị S và anh Nguyễn Út M xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Út M, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, đồng thời bị đơn anh Nguyễn Út M có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Th, xã Giục T, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Về sự có mặt của đương sự: bị đơn anh Nguyễn Út M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh M có đơn xin xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị S và anh Nguyễn Út M xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/6/2017 và được UBND xã Giục T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Út M: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị S xác nhận chị và anh M sống hạnh phúc với

nhau được một thời gian, sau đó vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do anh M thường hay đi chơi, ăn nhậu với bạn bè, không chăm lo cho gia đình từ đó anh chị đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay. Đồng thời tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thì anh M cũng thừa nhận rằng anh có đi chơi, ăn nhậu với bạn bè. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị Sáng và anh M hàn gắn đoàn tụ nhưng chị S vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì lý do trước đây vào tháng 3/2019 chị đã từng gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Minh tại Tòa án nhưng sau đó Tòa án động viên hòa giải và khuyên chị cho anh M cơ hội sửa sai và chị đã rút đơn khởi kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, chị và anh Minh lại tiếp tục chung sống với nhau được khoảng hơn 01 năm nhưng nay anh M vẫn không sửa đổi tính tình. Mặt khác, chị S và anh M đã ly thân mấy tháng nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử thấy rằng chị S không còn tự nguyện chung sống với anh M nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S về việc xin ly hôn với anh M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị S xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013 và chị S yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Như và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng từ khi chị S và anh M sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, cháu Như do chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, chị S vẫn chăm sóc tốt cho cháu, đồng thời cháu Như cũng có nguyện vọng được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S là giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như cho chị Sáng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Như mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị S không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi cháu Như nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị S và anh M xác định rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị S và anh M xác định rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị S về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã nêu trên nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh M không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị S về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Nguyễn Út M.

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị S được ly hôn anh Nguyễn Út M.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh Như, sinh ngày 20/4/2013 cho chị Thị S được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Như) cho đến khi cháu Như đủ 18 tuổi và chị S không yêu cầu anh Minh cấp

đưỡng nuôi con. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị S và anh Nguyễn Út M xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006623 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong).

Anh Nguyễn Út M không phải chịu án phí.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Giục Tượng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Pì Sách**